

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NỀN CÔNG VỤ PHỤC VỤ NHÂN DÂN - ĐẶC ĐIỂM VÀ Ý NGHĨA LỊCH SỬ

*HO CHI MINH'S THOUGHT ON BUILDING A PUBLIC SERVICE
SERVING THE PEOPLE - CHARACTERISTICS AND HISTORICAL SIGNIFICANCE*

NGUYỄN XUÂN THẾ^(*)

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 31-7-2025 Ngày biên tập xong: 25-9-2025 Ngày duyệt đăng: 30-9-2025 Mã số: TCKH53-19-2025 ISSN: 2525 – 2429 Từ khóa: Hồ Chí Minh; nền công vụ; phục vụ nhân dân; đặc điểm; ý nghĩa lịch sử. Key words: Ho Chi Minh; public service; serving the people; characteristics; historical significance.	Bài viết tập trung phân tích Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền công vụ phục vụ nhân dân, một bộ phận quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Người về nhà nước và pháp luật. Bài viết làm rõ những đặc điểm cốt lõi của nền công vụ theo quan điểm Hồ Chí Minh, bao gồm vai trò của đội ngũ cán bộ, bộ máy tổ chức, và cơ chế hoạt động công vụ. Đồng thời, bài viết chỉ ra ý nghĩa lịch sử sâu sắc và giá trị bền vững của tư tưởng này trong công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh cải cách hành chính và hội nhập quốc tế. ABSTRACT: The article focuses on analyzing Ho Chi Minh's thoughts on building a civil service serving the people, an important part of his ideology on the state and law. The article clarifies the core characteristics of the civil service according to Ho Chi Minh's viewpoint, including the role of the staff, the organizational apparatus, and the civil service operation mechanism. At the same time, the article points out the profound historical significance and lasting value of this thought in the process of building and perfecting the socialist rule-of-law state in Vietnam today, especially in the context of administrative reform and international integration.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền công vụ phục vụ nhân dân là một hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc, phản ánh nhất quán mục tiêu xây dựng nhà nước “của dân, do dân, vì dân”. Quan điểm này không chỉ là kim chỉ nam cho mọi hành động cách mạng Việt Nam xuyên suốt lịch sử, mà còn đặt ra những yêu cầu cụ thể trong quá trình cải cách hành

chính và xây dựng nền công vụ hiện đại. Nền công vụ, với bản chất là việc thực thi công việc chung của nhà nước vì lợi ích cộng đồng, theo Hồ Chí Minh, phải là một nền công vụ lấy người dân làm trung tâm trong phục vụ lợi ích, đảm bảo mọi hoạt động hướng đến đáp ứng nhu cầu chính đáng và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhân dân. Với những đặc điểm cơ bản và giá trị lý luận, thực tiễn tư tưởng của Người đã

^(*) NCS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, thenx@vua.edu.vn

và đang trở thành một định hướng quan trọng trong công cuộc cải cách hành chính, sắp xếp, tinh giản bộ máy trong điều kiện hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nền công vụ phục vụ nhân dân và những đặc điểm cơ bản

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền công vụ phục vụ nhân dân được xây dựng trên những nội dung nền tảng của công vụ, công chức, nền công vụ, nền công vụ phục vụ nhân dân và hoạt động công vụ từ trung ương đến địa phương. Qua đó, công vụ được hiểu theo nhiều góc độ khác nhau. Theo Từ điển Tiếng Việt, *“công vụ là việc công, nhiệm vụ thực hiện nhằm phục vụ lợi ích của cộng đồng”* [1, tr.1796]. Giáo trình Công vụ, công chức định nghĩa *“công vụ là một loại lao động mang tính quyền lực và pháp lý được thực thi bởi đội ngũ công chức nhằm thực hiện các chính sách của nhà nước trong quá trình quản lý toàn diện các mặt của đời sống xã hội”* [2]. Ở Việt Nam, mặc dù chưa có một định nghĩa thống nhất trong văn bản pháp luật, nhưng nội hàm hoạt động công vụ được đề cập trong nhiều văn bản mang tính pháp lý. Trong nghị định 208/2013 của Chính phủ, tại Điều 3, Khoản 1 quy định người thi hành công vụ gồm *“cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân được cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và được pháp luật bảo vệ nhằm phục vụ lợi ích của Nhà nước, nhân dân và xã hội”*. Trong nghiên cứu này, công vụ được hiểu là *“một loại lao động mang tính quyền lực và pháp lý, phần lớn do cán bộ, công chức thực hiện nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước, gắn với quyền lực nhà nước, nhân danh nhà nước để phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”* [13]. Với ý nghĩa đó, hoạt động công vụ được dựa trên cơ sở của hiến pháp và pháp luật, lực lượng thực thi công vụ là cán bộ công chức nhằm thực hiện các thao tác nghiệp vụ với mục

đích phục vụ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân một cách triệt để nhất.

Nền công vụ là hoạt động công vụ được hệ thống hóa, bao gồm thể chế, đội ngũ, tổ chức và những điều kiện để thực thi công vụ. Các đặc điểm cơ bản của công vụ bao gồm: Hoạt động quản lý toàn diện các mặt của đời sống xã hội; mục đích phục vụ lợi ích chính đáng của nhà nước và nhân dân; chủ thể là cán bộ, công chức trong các cơ quan của Đảng, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; và tiến hành theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được nhà nước giao và theo các quy định của hiến pháp và pháp luật. Một nền công vụ phục vụ nhân dân đòi hỏi sự đồng bộ, liên thông, thống nhất của thể chế pháp luật, bộ máy, cơ chế vận hành, và những điều kiện thực thi công vụ. Đặc biệt, đội ngũ công chức phải chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Nền công vụ phục vụ nhân dân được xây dựng trên cơ sở lấy người dân làm trung tâm, đảm bảo mọi hoạt động hướng đến đáp ứng nhu cầu chính đáng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân. Nó chuyển dịch từ nền công vụ truyền thống thiên về quản lý hành chính sang một nền công vụ coi trọng hiệu quả phục vụ và sự hài lòng của người dân. Trên cơ sở đó, nền công vụ hướng tới những giá trị được biểu hiện bằng văn hóa công vụ xuyên suốt toàn bộ hoạt động công vụ. Cùng với đó, văn hóa công vụ là một yếu tố then chốt, bao gồm hệ thống các giá trị, niềm tin, chuẩn mực hành vi, phản ánh cách thức ứng xử và lễ lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước. Văn hóa công vụ *“là hệ thống biểu tượng, chuẩn mực, giá trị, niềm tin hình thành trong nhận thức, tạo nên tâm nhìn, tác động đến hành vi và lễ lối làm việc, cách sống của người thực thi công vụ, của môi trường tổ chức, có khả năng lưu truyền và ảnh hưởng tới chất lượng công vụ”* [11, tr.39-40].

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền công vụ phục vụ nhân dân được thể hiện rõ qua

ba yếu tố cốt lõi, gắn kết chặt chẽ và bổ trợ cho nhau: Đội ngũ cán bộ công chức, hệ thống bộ máy tổ chức, và cơ chế hoạt động công vụ. Mỗi yếu tố đều được Người định hình với những đặc trưng riêng biệt, nhất quán với mục tiêu tối thượng là phục vụ nhân dân.

Về *đội ngũ cán bộ, công chức* hay nói đúng hơn là người “công bộc của dân” là sự kết hợp hài hòa giữa đạo đức và tài năng. Hồ Chí Minh luôn xem cán bộ là “*gốc của mọi công việc*” [4, tr.469], là nhân tố quyết định thành bại của cách mạng. Tuy nhiên, quan điểm của Người về cán bộ công chức không dừng lại ở vai trò quản lý hay thực thi mệnh lệnh, mà nâng tầm lên thành “*công bộc của dân*” [6, tr.7]. Khái niệm “công bộc” hàm chứa một sự khiêm nhường, trách nhiệm và tinh thần hy sinh vì nhân dân. Điều này thể hiện sự đối lập hoàn toàn với hình ảnh “ông quan cách mạng” hay quan lại phong kiến xưa, những người coi mình là “cha mẹ dân” để ban phát quyền uy.

Để thực sự là “công bộc của dân”, đội ngũ cán bộ phải hội đủ phẩm chất đạo đức cách mạng với các chuẩn mực “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”. “Cần” không chỉ là siêng năng, chăm chỉ trong công việc mà còn là sự tích cực, sáng tạo, không ngừng học hỏi và đổi mới để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. “Kiệm” là tiết kiệm thời giờ, của cải của nhà nước, của nhân dân và của bản thân; không lãng phí, xa hoa, phô trương. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc quản lý tài chính công. “Liêm” được Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao, hiểu là sự liêm khiết, trong sạch, không tham ô, hối lộ, không lợi dụng chức quyền để mưu lợi riêng. Người từng nhấn mạnh “*những người ở công sở, những người gánh vác việc nước phải biết giữ liêm khiết. Không tham lam của cải, không tham địa vị, không tham sung sướng*” [8, tr.325]. Đức “liêm” không chỉ là không tham lam vật chất mà còn là sự trong sạch về tư tưởng, ý chí, không bị cám dỗ bởi những lợi ích phi nghĩa. “Chính” là thẳng thắn, đúng đắn,

công bằng, không thiên vị, không thành kiến. Là dám nói, dám làm những điều đúng đắn, dù có khó khăn hay đụng chạm lợi ích cá nhân, tập thể nhỏ. Cuối cùng, “Chí công vô tư” là đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết, trước hết; không màng đến lợi ích cá nhân, không vụ lợi. Đây là phẩm chất cao nhất của người cán bộ cách mạng, thể hiện tinh thần hy sinh, cống hiến. Những phẩm chất ấy có quan hệ mật thiết và tạo nên một người cách mạng với đầy đủ những năng lực cần thiết trong thực thi công vụ và phục vụ nhân dân một cách toàn diện nhất.

Hồ Chí Minh cũng đặc biệt nhấn mạnh tinh thần “trung với nước, hiếu với dân”. Người mở rộng ý nghĩa của “hiếu” từ phạm vi gia đình sang “hiếu với dân”, “*coi dân như cha mẹ để phục vụ toàn tâm toàn ý*” [8, tr.317]. “Trung” không chỉ là trung thành với Tổ quốc mà còn là trung thành với lợi ích của nhân dân lao động. Người phê phán gay gắt các căn bệnh nguy hiểm trong đội ngũ cán bộ như quan liêu, tham ô, hách dịch, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân. Đây là những “kẻ thù nội bộ” làm suy yếu bộ máy nhà nước và làm giảm sút lòng tin của nhân dân. “*Quan liêu là xa dân, không sát việc, không hiểu dân, không lắng nghe ý kiến của dân. Tham ô là bòn rút của công, của dân. Hách dịch là thái độ bề trên, coi thường dân, gây khó dễ cho dân*” [6, tr.292]. Người luôn nhắc nhở cán bộ phải “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân”, coi dân là thầy, là bạn, là người cùng đồng hành. Tuy nhiên, đạo đức thôi là chưa đủ. Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ phải vừa “hồng” (đạo đức) vừa “chuyên” (năng lực). Năng lực ở đây bao gồm kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, khả năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc khoa học, và đặc biệt là khả năng vận động quần chúng. Đạo đức là nền tảng, nhưng năng lực là công cụ để biến những phẩm chất đạo đức tốt đẹp thành hành động cụ thể, hiệu quả, phục vụ nhân dân. Một cán bộ có đạo đức tốt nhưng năng lực kém thì khó có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ,

thậm chí gây ra lãng phí, trì trệ. Ngược lại, một cán bộ có năng lực nhưng thiếu đạo đức sẽ trở thành hiểm họa cho nhân dân và đất nước.

Hệ thống bộ máy tổ chức cần được thực hiện gọn nhẹ, trong sạch, hiệu lực, hiệu quả, hướng tới sự minh bạch, trách nhiệm và phục vụ nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, bộ máy nhà nước phải được xây dựng “*gọn nhẹ, trong sạch, hiệu lực, hiệu quả*” [10, tr.81]. Đây là yêu cầu tiên quyết để đảm bảo bộ máy hoạt động thông suốt, không chồng chéo, không quan liêu, không lãng phí nguồn lực. “Gọn nhẹ” tức là giảm thiểu các tầng nấc trung gian không cần thiết, tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan. Người phê phán tình trạng “một người làm năm ba chức, một việc làm năm ba lần”, gây lãng phí thời gian, công sức và tiền của. “Trong sạch” là bộ máy phải không có tệ nạn tham nhũng, lãng phí, cửa quyền, quan liêu. Sự trong sạch của bộ máy được đảm bảo bởi các quy định pháp luật chặt chẽ, cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả và sự gương mẫu của đội ngũ cán bộ. “Hiệu lực, hiệu quả” là bộ máy phải hoạt động có năng suất cao, đạt được mục tiêu đề ra, và mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân. Hiệu lực thể hiện ở khả năng thực thi các chính sách, pháp luật một cách nghiêm minh; hiệu quả thể hiện ở kết quả đạt được so với nguồn lực bỏ ra. Người nhấn mạnh, bộ máy hành chính không chỉ là cơ quan quản lý mà còn là “cầu nối” giữa Nhà nước với nhân dân. Bộ máy phải gần dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, phản ánh ý chí, nguyện vọng và lợi ích chính đáng của nhân dân. Một bộ máy xa dân sẽ không thể hiểu được những khó khăn, bức xúc của dân, từ đó dẫn đến những quyết sách không phù hợp hoặc không được dân ủng hộ. Do đó, việc xây dựng bộ máy phải đảm bảo tính dân chủ, công khai, dễ tiếp cận, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân khi giao tiếp và làm việc với các cơ quan nhà nước.

Cơ chế hoạt động công vụ được thực hiện trên nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch

và vì lợi ích của dân, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân. Cơ chế hoạt động công vụ theo Tư tưởng Hồ Chí Minh cần đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch, có kỷ luật, kỷ cương, và đặc biệt phải lấy lợi ích của nhân dân làm tiêu chí đánh giá tối thượng. Mọi hoạt động công vụ phải được tiến hành một cách công khai, minh bạch, từ việc ban hành chính sách, quy định đến quá trình thực thi và giải quyết công việc cho dân. Nhân dân có quyền được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra. Hồ Chí Minh khẳng định: “*Chính phủ ta là Chính phủ của nhân dân, chỉ vì lợi ích của nhân dân mà làm việc. Vì vậy, Chính phủ phải dân chủ, tức là phải để cho dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*” [7, tr.56]. Sự công khai, minh bạch giúp ngăn chặn các hành vi tiêu cực, tham nhũng, và tăng cường sự tin tưởng của nhân dân vào bộ máy nhà nước. Hoạt động công vụ phải tuân thủ nghiêm ngặt hiến pháp, pháp luật, và các quy định hành chính. Mọi cán bộ, công chức phải thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, không được tự ý hành động hoặc lạm dụng quyền lực. Hồ Chí Minh rất coi trọng kỷ luật thép trong hoạt động nhà nước, coi đó là yếu tố đảm bảo tính nghiêm minh và hiệu quả.

Nguyên tắc xuyên suốt và bao trùm nhất trong Tư tưởng Hồ Chí Minh về công vụ là lấy lợi ích của nhân dân làm thước đo. Người tâm niệm “*Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì có hại cho dân, ta phải hết sức tránh*” [5, tr.473]. Mọi quyết sách, mọi hành động của cán bộ, công chức đều phải hướng tới mục tiêu phục vụ lợi ích chính đáng của nhân dân, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của họ. Hiệu quả của nền công vụ được đánh giá không chỉ bằng số lượng công việc hoàn thành mà quan trọng hơn là mức độ hài lòng của nhân dân. Hồ Chí Minh yêu cầu xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ từ nhiều phía: Sự giám sát của Đảng, của Quốc hội, của các tổ chức đoàn thể, và đặc biệt là sự giám sát của nhân dân. Người xem sự giám sát của nhân

dân là một trong những biện pháp hữu hiệu nhất để phòng ngừa và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, cửa quyền. “*Kiểm soát phải chặt chẽ, phải có thưởng có phạt rõ ràng. Ai làm tốt phải khen, ai làm xấu phải chê, phải phạt*” [9, tr.235]. Người cũng đề cao trách nhiệm nêu gương và trách nhiệm giải trình của cán bộ công chức và người đứng đầu. Mọi cán bộ, đặc biệt là người đứng đầu, phải chịu trách nhiệm trước nhân dân và pháp luật về hành vi, quyết định của mình, khi có sai sót, phải dám nhận lỗi và sửa chữa.

2.2. Ý nghĩa lịch sử của Tư tưởng Hồ Chí Minh về nền công vụ phục vụ nhân dân

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền công vụ phục vụ nhân dân không chỉ là một hệ thống lý luận mà còn là kim chỉ nam cho thực tiễn xây dựng và phát triển Nhà nước Việt Nam. Ý nghĩa lịch sử và giá trị hiện thực của tư tưởng này là vô cùng to lớn và sâu sắc.

Trước hết, tư tưởng của Người là cơ sở nền tảng cho sự ra đời và phát triển của nền công vụ Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng cho sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh đã chủ động và kiên quyết xây dựng một nhà nước kiểu mới, hoàn toàn khác biệt với nhà nước thực dân, phong kiến trước đó. Những nguyên tắc “của dân, do dân, vì dân” đã được hiện thực hóa ngay trong Hiến pháp đầu tiên năm 1946, khẳng định quyền làm chủ của nhân dân và vai trò phục vụ của chính quyền. Hiến pháp đã thiết lập một hệ thống các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương, với mục tiêu cao nhất là phục vụ lợi ích của nhân dân. Đặc biệt, trong Sắc lệnh 76/SL ngày 20-5-1950 về “*Quy chế Công chức Việt Nam*” [12] do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành, là văn bản pháp lý quan trọng đầu tiên đặt nền móng cho nền công vụ hiện đại ở Việt Nam. Sắc lệnh này đã định hình rõ ràng vị trí, vai trò, quyền và nghĩa

vụ của công chức, các nguyên tắc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, và kỷ luật công chức. Điều này thể hiện sự nhất quán trong tư tưởng của Người về việc xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ, phẩm chất, và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Nền công vụ Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Tư tưởng Hồ Chí Minh đã được xây dựng theo hướng dân chủ, thân dân, trọng dân, quý dân, khác biệt hoàn toàn với bộ máy cai trị của chế độ cũ. Nó là nền tảng vững chắc để xây dựng và bảo vệ đất nước trong suốt các cuộc kháng chiến và trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng của Người thể hiện những giá trị bền vững trong bối cảnh hiện nay, cũng như trong định hướng cho cải cách hành chính và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh đất nước đổi mới, hội nhập quốc tế sâu rộng, đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, những Tư tưởng của Hồ Chí Minh về xây dựng nền công vụ phục vụ nhân dân vẫn còn nguyên giá trị, thậm chí còn trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Tư tưởng Hồ Chí Minh là định hướng quan trọng cho cải cách hành chính. Cải cách hành chính ở Việt Nam trong những thập kỷ qua luôn lấy Tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam. Mục tiêu của cải cách là xây dựng một nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, và quan trọng nhất là phục vụ nhân dân. Các nội dung cải cách từ thể chế hành chính, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy, đến xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đều phải quán triệt tinh thần “gọn nhẹ, trong sạch, hiệu quả” và “công bộc của dân”. Cụ thể, việc giảm thiểu các thủ tục hành chính rườm rà, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước, hay việc quy định về đạo đức công vụ, trách nhiệm giải trình của cán bộ công chức đều là sự cụ thể hóa Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nền công vụ phục vụ nhân dân là một bộ phận hữu cơ của Nhà nước pháp quyền xã hội

chủ nghĩa. Trong một nhà nước pháp quyền, mọi hoạt động của cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức đều phải dựa trên cơ sở pháp luật, và pháp luật phải phục vụ lợi ích của nhân dân. Nguyên tắc “dân chủ, công khai, minh bạch” trong hoạt động công vụ là nền tảng để đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời tăng cường sự kiểm soát của xã hội đối với quyền lực nhà nước. Việc xây dựng một đội ngũ cán bộ “vừa hồng vừa chuyên” là yếu tố quyết định để Nhà nước pháp quyền vận hành hiệu quả, công bằng, và liêm chính. Hơn nữa, tư tưởng này góp phần nâng cao niềm tin của nhân dân. Trong bối cảnh xã hội ngày càng phát triển, yêu cầu về sự minh bạch, công bằng và trách nhiệm giải trình của nhà nước ngày càng cao. Các hiện tượng tiêu cực như tham nhũng, quan liêu, những nhiễu của một bộ phận cán bộ, công chức làm suy giảm niềm tin của nhân dân. Do đó, việc kiên định và vận dụng sáng tạo Tư tưởng Hồ Chí Minh về nền công vụ phục vụ nhân dân là chìa khóa để củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Khi mỗi cán bộ thực sự là “công bộc”, mỗi cơ quan thực sự là nơi phục vụ, người dân sẽ cảm thấy được tôn trọng, được bảo vệ, và từ đó củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Cuối cùng, Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng giúp đối phó với thách thức trong bối cảnh hội nhập. Hội nhập quốc tế đặt ra những yêu cầu mới cho nền công vụ Việt Nam về tính chuyên nghiệp, năng lực cạnh tranh, và khả năng thích ứng. Tư tưởng Hồ Chí Minh, với tinh thần cầu thị, học hỏi cái tiến bộ của nhân loại, vẫn là định hướng để xây dựng một nền công vụ hiện đại, ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Đồng thời, giúp giữ vững bản sắc dân tộc, không bị hòa tan trong quá trình hội nhập. Việc xây dựng nền công vụ phục vụ nhân dân không chỉ là một nhiệm vụ quản lý nhà nước mà còn là một quá trình giáo dục, rèn luyện con người. Trong điều kiện phát triển mới đặt ra yêu cầu cần phải “*Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước*

pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức” [4, tr.89]. Bằng việc nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền công vụ phục vụ nhân dân với những đặc điểm cơ bản và những vấn đề mang tính thời sự hiện nay, chúng ta thấy được “*gắn tinh giản biên chế với sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, phù hợp với cơ chế tự chủ của cơ quan, tổ chức, đơn vị*” [3]. Điều đó đặt ra yêu cầu liên kết chặt chẽ giữa tinh giản biên chế và cải cách tổ chức bộ máy hành chính. Việc tinh giản không đơn thuần là giảm số lượng mà phải gắn với việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động. Đồng thời, cần cơ cấu lại đội ngũ cán bộ theo vị trí việc làm, bảo đảm đúng người, đúng việc và phù hợp với cơ chế tự chủ của từng cơ quan, đơn vị. Đây là cách tiếp cận tổng thể, kết hợp giữa hiệu lực quản lý nhà nước và yêu cầu hiện đại hóa nền hành chính công. Đòi hỏi sự quyết tâm của toàn bộ hệ thống chính trị và toàn xã hội, nhằm phát triển vững mạnh và đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

3. KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền công vụ phục vụ nhân dân là một di sản quý báu, vừa mang giá trị lý luận sâu sắc, vừa có ý nghĩa thực tiễn to lớn. Những đặc điểm cốt lõi về vai trò của cán bộ (“công bộc của dân” với phẩm chất “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, “vừa hồng vừa chuyên”), bộ máy tổ chức (“gọn nhẹ, trong sạch, hiệu lực, hiệu quả”), và cơ chế hoạt động công vụ (dân chủ, công khai, minh bạch, có kỷ luật, kỷ cương và lấy lợi ích

của nhân dân làm tiêu chí đánh giá) đã và đang định hình nên nền công vụ Việt Nam hiện đại. Việc kiên trì vận dụng và phát triển tư tưởng này trong bối cảnh mới sẽ tiếp tục là nền tảng vững chắc để xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, hiệu lực, hiệu quả, thực sự vì hạnh phúc của nhân dân và sự phát triển phồn vinh của đất nước. Đặc biệt trong bối cảnh cả

nước đang quyết tâm thực hiện chủ trương về sắp xếp, tinh gọn bộ máy hành chính và hoạt động công vụ, việc vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền công vụ phục vụ nhân dân là yếu tố cực kỳ quan trọng trong định hướng và thực hiện các giải pháp hữu hiệu nhằm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của dân, do dân và vì dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (1998), *Đại Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [2] Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Nghị định số 208/2013/NĐ-CP về các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý hành vi chống người thi hành công vụ (Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2014)*, Công báo nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- [3] Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2025), *Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế*, Công báo nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- [5] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [6] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [7] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [8] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [9] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [10] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [11] Huỳnh Văn Thới (Chủ biên, 2016), *Văn hóa công vụ ở Việt Nam – Lý luận và thực tiễn*, Nxb Lý luận chính trị.
- [12] Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, *Sắc lệnh số 76/SL của Chủ tịch nước: Sắc lệnh ban hành Quy chế Công chức*, <https://chinhphu.vn/default.aspx?docid=923&pageid=27160&utm>, ngày truy cập: 18-11-2018.
- [13] Vũ Hoàng Quỳnh (2020), *Công vụ ở Việt Nam nhìn từ pháp lý và thực tiễn*, <https://moha.gov.vn/ngghien-cuu-trao-doi/chuong-trinh-dieu-tra-xa-hoi-hoc/cong-vu-o-viet-nam-nhin-tu-phap-ly-va-thuc-tien-d738-t44879.html>, ngày truy cập: 06-10-2020.